

Số: 1923/UBND-KT

Tây Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

V/v phương pháp xác định khối lượng
chất thải rắn sinh hoạt phát sinh,
thu gom, xử lý

Kính gửi:

- Các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thống kê;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. (mã số T2108, H0319 – Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý)

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, trong đó có định hướng chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt: năm 2025, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom phải đạt trên 80%, đến năm 2030 đạt trên 95%.

Để thống nhất trong việc đánh giá tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý giữa các địa phương, phục vụ việc đánh giá chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 được duyệt, UBND tỉnh đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Khái niệm:

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý so với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý là khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển bởi các công ty dịch vụ công ích, doanh nghiệp tư nhân, tổ, đội thu gom chất thải rắn sinh hoạt,... và đưa đến các cơ sở xử lý chất thải rắn.

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là bằng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình (theo mục 2 Công văn này) nhân (x) với tổng dân số khu vực đô thị⁽¹⁾/ khu vực nông thôn⁽²⁾ do ngành Thống kê cung cấp.

⁽¹⁾ Khu vực đô thị bao gồm: các phường thuộc thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành và thị xã Trảng Bàng; các thị trấn thuộc huyện.

⁽²⁾ Khu vực nông thôn bao gồm các xã.

b) Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (\%)} = \frac{\text{Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý (tấn)}}{\text{Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)}} \times 100$$

2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình⁽³⁾:

- Tại khu vực đô thị: các phường thuộc thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng là 0,85 kg/người-ngày; các thị trấn thuộc huyện là 0,8 kg/người-ngày.

- Tại khu vực nông thôn (bao gồm các xã): 0,5 kg/người-ngày.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, xử lý.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP, PKT;
- Lưu: VT.VP UBND tỉnh.

Bao UB 23.6.11

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

⁽³⁾ Căn cứ QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và đồ án Quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được duyệt.